

Số: **2376/TTg-KTN**

Hà Nội, ngày **01 tháng 12 năm 2014**

V/v điều chỉnh quy hoạch
phát triển các khu công nghiệp
thành phố Hà Nội đến năm 2020

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 8407/BKHĐT-QLKKT ngày 07 tháng 11 năm 2014 về việc Đề án bổ sung khu công nghiệp và Đề án nâng cấp cụm công nghiệp lên thành khu công nghiệp của thành phố Hà Nội vào quy hoạch phát triển khu công nghiệp cả nước đến năm 2020, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau:

1. Đồng ý điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020 như đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn nêu trên (Phụ lục kèm theo), cụ thể:

- Điều chỉnh giảm diện tích của Khu công nghiệp Bắc Thường Tín từ 470 ha xuống còn 430 ha;
- Điều chỉnh tăng diện tích của Khu công nghiệp Sóc Sơn từ 300 ha lên 340 ha;
- Bổ sung Khu công nghiệp Thanh Mỹ - Xuân Sơn với diện tích 100 ha vào Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp cả nước đến năm 2020.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan liên quan và các chủ đầu tư thực hiện quy hoạch, đầu tư, thành lập và hoạt động của các khu công nghiệp trên địa bàn đảm bảo hiệu quả thu hút đầu tư và tuân thủ quy định của pháp luật; đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà ở công nhân và các công trình phúc lợi xã hội tại các khu công nghiệp để đảm bảo điều kiện sống, làm việc của người lao động; tập trung xử lý dứt điểm vướng mắc về quy hoạch phân khu đối với các khu công nghiệp: Quang Minh 2, Phụng Hiệp và Bắc Thường Tín để có thể sớm tiếp tục triển khai các dự án khu công nghiệp này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, PTTg Hoàng Trung Hải;
- Các Bộ: TN&MT, CT, XD, QP, GTVT, NN&PTNT;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, Các Vụ: TH, KTTH, V.III;
- Lưu: VT, KTN (3) TrT. *28*



Hoàng Trung Hải



Phụ lục
PHỤ LỤC QUY HOẠCH CÁC KCN THÀNH PHỐ HÀ NỘI ĐẾN NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Công văn số 2376 /TTg-KTN ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: ha

TT	KCN	Diện tích quy hoạch	Tình hình thực hiện		Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập đến 2020 (địa phương đề xuất)	Phương án điều chỉnh quy hoạch (Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất)			
			Diện tích thực tế đã thành lập/cấp GCNĐT	Diện tích quy hoạch còn lại chưa thành lập/cấp GCNĐT (không tính diện tích chênh lệch do đo đạc)		Diện tích dự kiến quy hoạch đến 2020	Diện tích tăng so với quy hoạch được duyệt	Diện tích giảm so với quy hoạch được duyệt (không tính chênh lệch do đo đạc)	Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập mới và mở rộng đến năm 2020
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(1)	(7)=(1)-(5)	(8)=(5)-(2)
I KCN ĐƯỢC THÀNH LẬP TRƯỚC QUYẾT ĐỊNH SỐ 1107/QĐ-TTg									
01	Bắc Thăng Long	274	274	-	274	274			
02	Nội Bài	114	114	-	114	114			
03	Sài Đồng B	40	40	-	40	40			
04	Hà Nội - Đài Tư	40	40	-	40	40			
05	Nam Thăng Long	30	30	-	30	30			
06	Quang Minh 1	407	407	-	407	407			
07	Quang Minh 2	266	266	-	266	266			
II KCN ĐƯỢC PHÊ DUYỆT QH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1107/QĐ-TTg VÀ VĂN BẢN CỦA THỦ TƯỚNG, TOÀN BỘ DIỆN TÍCH ĐÃ THÀNH LẬP									
08	Thạch Thất - Quốc Oai	155	155	-	155	155			
09	Phú Nghĩa	150	170	(20)	390	170			
10	Phụng Hiệp	170	175	(5)	175	175			
III KCN ĐƯỢC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1107/QĐ-TTg VÀ VĂN BẢN CỦA THỦ TƯỚNG, MỘT PHẦN DIỆN TÍCH CHƯA THỰC HIỆN									
11	Hỗ trợ Nam Hà Nội	440	72	368	440	440			368
12	Bắc Thường Tín	470	430	40	430	430		40	

TT	KCN	Diện tích quy hoạch	Tình hình thực hiện		Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập đến 2020 (địa phương đề xuất)	Phương án điều chỉnh quy hoạch (Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất)				
			Diện tích thực tế đã thành lập/cấp GCNĐT	Diện tích quy hoạch còn lại chưa thành lập/cấp GCNĐT (không tính diện tích chênh lệch do đo đạc)		Diện tích dự kiến quy hoạch đến 2020	Diện tích tăng so với quy hoạch được duyệt	Diện tích giảm so với quy hoạch được duyệt (không tính chênh lệch do đo đạc)	Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập mới và mở rộng đến năm 2020	
IV	KCN ĐƯỢC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1107/QĐ-TTg VÀ VĂN BẢN CỦA THỦ TƯỚNG, TOÀN BỘ DIỆN TÍCH CHƯA THỰC HIỆN									
13	Phú Cát	500		500	500	500			500	
14	Đồng Anh	300		300	300	300			300	
15	Sóc Sơn	300		300	340	340	40		340	
16	Kim Hoa (phần diện tích thuộc thành phố Hà Nội)	46		46	46	46			46	
V	KCN BỔ SUNG QUY HOẠCH, THÀNH LẬP MỚI									
17	Thanh Mỹ - Xuân Sơn				100	100				
	Tổng cộng	3,703	2,174	1,554	4,048	3,828	40	40	1,554	